TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tiền hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN – TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Đến**

2. Ông **Danh On**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhã Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Danh Đạt** – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 53/2023/TLST–DS ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tiền hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 20223giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Trương Thúy V**, sinh năm 1982

Ông **Vũ Thanh P**, sinh năm 1980

-Địa chỉ: ấp NP, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trương Thị Mỹ L**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã VPĐ, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

***Bị đơn**: Ông **Nguyễn Văn H** , sinh năm 1978 (có mặt)

Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1983 (có mặt)

-Địa chỉ: Ấp NP, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ L trình bày:

Ông P bà V với vợ chồng ông H bà M là chỗ bạn bè thân thiết. Nên vào ngày 18/3/2021 âm lịch, bà M có đến nhà bà V và hỏi mượn số tiền 10.000.000 đồng để sửa nhà. Đến khoảng 4/2021 bà M hỏi mượn bà V thêm số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà M mượn là 15.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sẽ trả nhưng đến nay không trả.

Vào ngày 6/4/2021 âm lịch, bà M đến nhà bà V thỏa thuận bán lại chưng hụi 2.000.000 đồng, có 27 chưng, đã khui 03 lần, bà M tự tính toán ra số tiền 41.800.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng bà M sẽ đóng cho bà V 400.000 đồng, sau đó bà M có đóng 04 tháng 400.000 đồng, 04 tháng sau mỗi tháng đóng 300.000 đồng, tổng cộng là 2.800.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi nào bà M hốt hụi này sẽ tiền số tiền 41.800.000 đồng nhưng đến nay vẫn không trả.

Đến tháng 9/2021 ân lịch, ông H bị cảnh sát giao thông phạt nên đến hỏi mượn ông P bà V thêm số tiền 7.500.000 đồng để đóng phạt.

Các lần mượn tiền, mua hụi đều không làm giấy tờ. Nhiều lần ông P bà V yêu cầu trả tiền nhưng phía ông H bà M không trả. Do dó, bà V ông P yêu cầu:

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho ông bà tổng số tiền 64.300.000 đồng. Trong đó: số tiền mượn 22.500.000 đồng; tiền bán hụi là 41.800.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà M ông H trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 10%/năm.

Ngoài ra, ông P, bà V không còn ý kiến và yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị M trình bày: ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P bà V. Bởi các lý do sau đây:

-Ông bà có mượn số tiền 10.000.000 đồng của bà V để làm vốn làm ăn, nhưng sau đó chúng tôi đã trừ vào số tiền bán đất với bà V rồi. Còn 5.000.000 đồng là ông bà không có mượn số tiền này.

-Đối với số tiền 7.500.000 đồng do ông H chở thuê thuốc lá thuê cho vợ chồng ông P bà V. Bị Công an huyện Hồng Dân kiểm tra xử phạt số tiền 7.500.000 đồng. Nên ông P bà V kêu lại nhà lấy 7.500.000 đồng để qua Công an nộp phạt. Việc nộp phạt này do ông P và Vân là người thuê ông chở thuốc cho ông P bà V nên bà V ông P phải chịu số tiền này. Ông bà không đồng ý trả số tiền này cho bà V, ông P.

Còn việc ông P bà V kiện đòi tiền hụi là 41.800.000 đồng là hoàn toàn không có, ông bà không đồng ý trả. Bởi vì ông bà không có giao dịch hụi gì với bà V, ông P. Tôi (Mãi) có tham gia chưng hụi mở ngày 05/01/2021 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, tháng, có 27 hụi viên do bà Nguyễn Thị Lựa làm chủ hụi. Tôi (Mãi) tham gia 01 chưng, hụi này tôi đã hốt rồi (do lâu quá tôi không nhớ rỏ hốt được bao nhiêu tiền và phải đóng hụi lại bao nhiêu tiền). Sau khi hốt hụi hàng tháng tôi vẫn đóng hụi chết cho bà Lựa, hiện nay vẫn còn nợ tiền hụi của bà Lựa (chủ hụi). Giữa chúng tôi và vợ chồng bà V hoàn toàn không có giao dịch hụi gì với nhau, ông bà cũng không có mua bán hụi gì với bà V, ông P, nếu như mua bán hụi thì phải thông qua chủ hụi và được sự đồng ý của bà Lựa (chủ hụi). Do ông H chở thuốc lá thuê cho bà V ông P, nên số tiền ông H đóng phạt là 7.500.000 đồng nên bà V ông P phải có nghĩa chịu nộp thay. Bà M thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm nguyên đơn

cung cấp là giọng của bà M. Còn trong đoạn ghi âm có đoạn "tôi có nói anh vậy đó, tiền hụi, tiền mượn, tiền gì, tiền ổng mượn qua Ngan Dừa nộp phạt thì tôi nói là tôi trả anh vào năm. Cuối năm tôi gom được 10 triệu đem trả anh 10 triệu" là tiền tôi hứa trả tiền đất chớ không phải tiền mượn, tiền hụi gì cả.

Tóm lại, ông bà không có thiếu tiền nào của ông P bà V nên không đồng ý trả số tiền nào cho bà V, ông P. Giữa ông bà và ông Vân ông P có mua bán đất với nhau mà thôi. Ngoài ra, ông bà không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, người đại diện theo yêu cầu của nguyên đơn thay đổi một phần về thời gian yêu cầu tính lãi suất. Theo đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu ông H bà M trả tổng số tiền 64.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất phát sinh kể từ ngày 19/11/2022 đến nay.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh P và bà Dương Trương Thúy V. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông P, bà V tổng số tiền gốc và lãi là 14.700.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V, ông P đòi số tiền mượn 5.000.000 đồng, tiền hụi 41.300.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Ngoài ra các đương sự còn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông P bà V khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mượn và tiền hụi tổng cộng là 64.300.000 đồng cùng lãi suất theo quy định của pháp luật nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tiền hụi đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp NP, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Về nội dung vụ án:

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn*, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định trong năm 2021, vợ chồng ông H, bà M có mượn tiền, bán hụi cho bà V và còn nợ tổng số tiền 64.300.000 đồng cụ thể như sau:

- Vào ngày 18/3/2021 âm lịch bà M mượn bà V 10.000.000 đồng.

- Vào tháng 4/2021 âm lịch bà M mượn ông P bà V số tiền 5.000.000 đồng,

- Vào ngày 6/4/2021 âm lịch bà M bán hụi cho bà V mua với số tiền 41.800.000 đồng.

- Vào tháng 9/2021 âm lịch ông H mượn ông P bà V số tiền 7.500.000 đồng.

Bà L, người đại diện xác định khi hai bên giao dịch các khoản tiền trên, không có làm giấy tờ, không có người chứng kiến, bà L có cung cấp file ghi âm, gồm 01 đoạn thoại, tờ tường trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H bà M chỉ thừa nhận có nhận 7.500.000 đồng của vợ chồng ông P để nộp phạt. Nhưng do ông là người chở thuê cho ông P nên ông P phải số tiền này ông bà không đồng ý trả; ngoài ra, ông H bà M thừa nhận có mượn 10.000.000 đồng của vợ chồng ông P để làm vốn vào năm 2021, nhưng ông bà xác định số tiền này đã cấn trrừ vào số tiền mau bán đất với bà V nên ông bà cũng không đồng ý trả số tiền này. việc thừa nhận hai khoản tiền này của ông H, bà V phù hợp với lời khai bên nguyên đơn, nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Còn lại các khoản tiền 5.000.000 đồng và tiền hụi là 41.800.000 đồng ông H bà M không thừa nhận và không đồng ý trả số tiền này nên trách nhiệm chứng minh thuộc về nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử làm rỏ các câu thoại mà tờ tường trình do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và được bà M thừa nhận là giọng nói của bà nói chuyện với ông P. Bà M xác định trong đoạn ghi âm đó, bà M có nói về các khoản tiền, nhưng đó là nói về khoản tiền mua bán đất trước đó hai bên thỏa thuận là 300.000.000 đồng, khi giao tiền bà V chỉ giao cho ông bà 100.000.000 đồng và trừ các khoản tiền thiếu trước đó là 20.000.000 đồng, nhưng sau này vợ chồng bà không muốn bán đất nữa và muốn trả lại số tiền đã nhận, nên bà hứa trả dần trong file ghi âm là trả dần tiền đất.

Qua xem xét ý kiến của các bên, tờ tường trình, biên bản hòa giải ấp Ninh Phước ngày 09/12/2022, Hội đồng xét xử thấy rằng có nhiều câu thoại giữa ông P bà M nói chuyện với nhau. Nội dung đoạn thoại trên chỉ nói chung chung, tuy bà M có thừa nhận nợ tiền mượn, tiền hụi, tiền phạt nhưng không có câu thoại nào xác định tổng số tiền bà M ông H còn thiếu của bà V ông P là bao nhiêu tiền.

Mặt khác, Tòa án có tiến hành xác minh đối với bà Nguyễn Thị Lựa, chủ hụi tại biên bản xác minh ngày 19/6/2023, bà Lựa cho biết bà Nguyễn Thị M có tham gia 01 chưng hụi khui ngày 05/01/2021 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, khui hàng tháng, hụi này đã mãn khoảng 07 tháng nay rồi. chưng hụi này bà M hốt hụi được số tiền khoảng 47.000.000 đồng nhưng hốt vào ngày nào bà không nhớ, sau khi hốt hụi bà M trực tiếp đóng hụi chết cho bà. Bà không biết và không nghe nói việc mua

bán hụi giữa chị Mãi và chị Vân, bà cũng không biết gì về việc bà M có thiếu tiền gì của bà V không.

Từ những nội dung nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà V ông P kiện đòi tiền mua bán hụi vào ngày 04/6/2021 là chưa có đủ căn cứ để chấp nhận. Bởi chưng hụi bà V mua của bà M theo đại diện nguyên đơn xác định chưng hụi này bà Lựa làm chủ, hụi mở ngày 05/01/2021 (âm lịch), bà V có cung cấp danh sách hụi cho Tòa án và đại diện nguyên đơn xác định do bà M đưa danh sách hụi này cho bà V, còn bà M thì không thừa nhận việc này; phía chủ hụi không hề biết các bên mua bán hụi với nhau. Đồng thời, trong suốt quá trình nói chuyện qua lại với nhau, ông P (chồng bà V) không biết được chưng hụi bà M bán cho bà V là chưng hụi nào, của ai là có mâu thuẫn với nhau. Hơn nữa trong quá tình nói chuyện, bà M tuy có thừa nhận thiếu tiền hụi nhưng không xác định được thiếu bao nhiêu tiền nên việc nguyên đơn xác định bà M bán chưng hụi khui ngày 05/01/2021 âm lịch với số tiền 41.800.000 đồng cho bà V, bên bị đơn không thừa nhận, đoạn ghi âm không chứng minh được tiền hụi là bao nhiêu nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi tiền hụi này của nguyên đơn.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng bà V ông P cho bà M mượn vào tháng 4/2021, bà M không thừa nhận, nguyên đơn cũng không chứng minh được nên cũng không có cơ sở để chấp nhận. Do không có cơ sở chấp nhận tổng số tiền 46.800.000 đồng nên không chấp nhận tính lãi suất phát sinh số tiền này từ ngày **19/011/2022 đến ngày xét xử (ngày 19/7/2023) với mức lãi suất 10%/năm là [46.800.000đ x 0,83%/tháng) x 08 tháng] = (388.000đ/ tháng x 08 tháng) = 3.104.000 đồng.**

Do bị đơn ông H bà M thừa nhận có nhận 7.500.000 đồng của vợ chồng ông P để nộp phạt. Ngoài ra, ông H bà M thừa nhận có mượn 10.000.000 đồng của vợ chồng ông P để làm vốn vào năm 2021, việc thừa nhận hai khoản tiền này của ông H, bà M phù hợp với lời khai bên nguyên đơn, nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc ông H bà M nại rằng ông H là người chở thuê cho ông P nên ông P phải số tiền này ông bà không đồng ý trả là không có căn cứ. Bởi lẽ, khi xử phạt, Cơ quan có thẩm quyền chỉ xử phạt ông H nên không có cơ sở cho rằng ông chở thuốc lá thuê cho ai. Đồng thời việc ông H bà M xác định đã cấn trừ số tiền mượn 10.000.000 đồng vào tiền bán đất với bà V, bà V không thừa nhận có sự việc cấn trừ nào khi mua bán đất, hơn nữa các bên mua bán đất vào năm 2020, còn tiền 10.000.000 đồng mượn vào năm 2021 và ông H bà M không cung cấp được giấy tờ nào thể hiện cấn trừ tiền mượn vào tiền đất nên không có cơ sở xem xét.

Từ đó, buộc ông H bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả tổng số tiền đã mượn là 17.500.000 đồng cho bà V ông P. Nhưng được khấu trừ số tiền bà V thừa nhận có nhận của bà M là 2.800.000 đồng, còn lại là 14.700.000 đồng và phải trả lãi phát sinh. Do khi cho mượn các bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận được thời gian trả tiền nên Hội đồng xét xử tính từ thời điểm khi bà V ông P làm đơn yêu cầu là ngày 19/11/2022 đến nay.

Theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định "*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi*

suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”.

Như vậy trong trường hợp này các bên đương sự có tranh chấp về mức lãi suất nên mức lãi áp dụng là 10%/năm. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 19/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền 14.700.000 đồng. Lãi suất được tính cụ thể như sau: [(14.700.000đ x 0.83%/tháng) x 08 tháng]= 122.000đ/ tháng x 08 tháng = 976.000 đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần; đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Buộc bà V ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền không được chấp nhận. Buộc ông H bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông P bà V.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh P và bà Dương Trương Thúy V kiện ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M với số tiền 15.676.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn H bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 19/7/2023) là 15.676.000 đồng cho ông Vũ Thanh P và bà Dương Trương Thúy V. Trong đó nợ gốc là 14.700.000đồng, lãi là 976.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Thanh P và bà Dương Trương Thúy V đòi ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị M trả tổng số tiền là 49.904.000 đồng. Trong đó nợ gốc 46.800.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh là 3.104.000 đồng.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn H bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 784.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Buộc ông Vũ Thanh P và bà Dương Trương Thúy V có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 2.495.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân. Ghi nhận bà V ông P đã dự nộp số tiền 1.798.000 đồng theo biên lai thu số 0010537 ngày 29/3/2023 được chuyển thu toàn bộ án phí đối với số tiền 1.798.000 đồng và nộp thêm số tiền 697.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi